

Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ

Hương T, ngày 15 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 146/ 2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị A Vô Thị B, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 06, xã Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 06, xã Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trợ giúp pháp lý của cháu Lê Thị Vinh K và cháu Lê Thị Trà V - Người thân thích của chị A Vô Thị B là ông Trần Phước H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị A Vô Thị B và anh Lê Văn H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị A Vô Thị B và anh Lê Văn H có 02 người con chung tên là Lê Thị Vinh K, sinh ngày 29/12/2014 và Lê Thị Trà V, sinh ngày 22/02/2017. Chị B và anh H thỏa thuận: Giao 02 người con chung tên là Lê Thị Vinh K và Lê Thị Trà V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng là 2.000.000 đồng/02 cháu (1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị A Vô Thị B chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005462 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T. Hoàn trả cho chị A Vô Thị B số tiền chênh lệch tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lê Văn H chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTX Hương Thủy;
- Chi cục THADS TX Hương T;
- UBND xã Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- (Đăng ký kết hôn ngày 16/12/2014)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Văn Phú

